

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10-01-2023
V/v Ly hôn, tranh Ch về nuôi con
con chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Tân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Bích Thủy- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 344/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh Ch về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 249/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị A**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu Thị Tứ, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc). Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vi Như H**, sinh năm 1980. Vắng mặt.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Khu Thị Tứ, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh H ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông **Vi Văn Ch**, sinh năm 1944. Địa chỉ: Khu Thị Tứ, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

4. Người được chị Anh ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án: Ông **Nguyễn Ngọc T**. Địa chỉ: Số 436 Đ, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vi Như H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C (nay là thành phố C, tỉnh Hải Dương), ngày 28/9/2011. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh H tại khu Thị Tứ, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương, cuộc sống vợ chồng hòa hợp, hạnh phúc thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, nuôi dạy con cái. Tháng 10/2014 anh H đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), đến tháng 4/2015 chị đi lao động tại Đài Loan (Trung Quốc), trong thời gian ở nước ngoài vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm và liên lạc với nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H theo quy định.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Vi Hà Ph- sinh ngày 13/9/2011 hiện đang ở với gia đình ông Vi Văn Ch (là bố đẻ anh H). Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Do hiện nay anh H đang lao động tại nước ngoài nên chị nhất trí việc ông Vi Văn Ch (là bố đẻ anh H) tạm nuôi con chung trong thời gian anh H không có mặt ở Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung Vi Hà Ph có nguyện vọng ở cùng với bố Vi Như H và gia đình ông Vi Văn Ch.

Tại lời khai của ông Vi Văn Ch (bố đẻ anh Vi Như H) thể hiện: Anh Vi Như H hiện đang sinh sống tại Đài Loan (Trung Quốc), địa chỉ cụ thể thì ông không biết, nhưng anh H thường xuyên liên lạc qua điện thoại với gia đình. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Vi Như H biết. Vợ chồng anh H, chị Anh xảy ra mâu thuẫn trong thời gian ở nước ngoài, anh chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Anh có đơn xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật để giải quyết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng, ông đã thông báo cho anh H biết. Anh H không gửi văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án nhưng có trao đổi với ông qua điện thoại và xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh H có nguyện vọng nuôi con chung Vi Hà Ph- sinh ngày 13/9/2011 và ủy quyền cho ông nuôi cháu trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Về tài sản chung không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh H cũng ủy quyền để ông Ch giao nhận toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án. Ông nhất trí sự ủy quyền của anh H về việc giao nhận văn bản tố tụng và nuôi con chung, yêu cầu chị Anh cấp dưỡng nuôi con theo quy định và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tòa án xác minh tại địa Ph nơi các đương sự đăng ký kết hôn và sinh sống thể hiện: Chị Trần Thị A và anh Vi Như H kết hôn hợp pháp và sinh sống tại địa Ph. Theo nắm bắt thông tin từ phía gia đình thì vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Anh có đơn xin ly hôn, địa Ph đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi của các đương sự trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã Ch hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt BLTTDS), bị đơn giấu địa chỉ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ch nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị A ly hôn anh Vi Như H. Về con chung: Giao con chung Vi Hà Ph- sinh ngày 13/9/2011 cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ph cho ông Vi Văn Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Ch nhận sự tự nguyện của chị Anh cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.500.000 đồng/tháng. Chị Anh phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị A không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng đã gửi đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, giấy ủy quyền đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Các tài liệu này đều có xác nhận của Văn phòng kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan (Trung Quốc). Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định đúng ý chí, nguyện vọng ly hôn của chị Trần Thị A. Bị đơn anh Vi Như H có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở khu Thị Tứ, xã L, thành phố C, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan, không rõ địa chỉ cụ thể. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Anh và gia đình ông Ch không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H ở nước ngoài. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Mặt khác, gia đình ông Ch vẫn thường xuyên liên lạc với anh H nên Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình để thông báo cho anh H biết việc chị Anh đề nghị giải quyết ly hôn và các thủ tục tố tụng khác. Gia đình đã nhận các văn bản tố tụng và đã thông báo cho anh H biết. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai, ông Ch, chị Anh có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Vi Như H kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã C (nay là thành phố C, tỉnh Hải Dương), ngày 28/9/2011 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách dạy con. Anh Vi Như H không thể hiện quan điểm bằng văn bản nhưng thông qua việc liên lạc bằng điện thoại với gia đình, anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn. Mâu thuẫn giữa chị Trần Thị A và anh Vi Như H được chứng minh thông qua lời khai của đại diện gia đình, quan điểm của địa Ph và của các đương sự.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Ch nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Trần Thị A ly hôn anh Vi Như H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Trần Thị A và anh Vi Như H có một con chung là Vi Hà Ph- sinh ngày 13/9/2011. Xét về thực tế cháu Ph hiện đang ở cùng với ông nội. Mặt khác, cháu Ph có nguyện vọng ở cùng với bố và gia đình ông Ch. Anh Vi Như H ủy quyền cho ông Ch nuôi cháu Ph trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Chị Anh nhất trí việc để gia đình ông Ch tạm nuôi cháu Ph. Để đảm bảo sự ổn định, quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, HĐXX Ch nhận giao cho anh Vi Như H nuôi dưỡng con chung Vi Hà Ph, Ch nhận sự tự nguyện chị Anh cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng. Như vậy là đảm bảo nguyện vọng của các đương sự và phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian anh H không ở Việt Nam, tạm giao cháu Ph cho ông Ch chăm sóc, nuôi dưỡng. Nếu chị Anh có căn cứ cho rằng anh H không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì có quyền làm đơn khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền giải quyết yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật (nếu có).

[3] Về án phí: Chị Trần Thị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và phải chịu tiền án phí cấp dưỡng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Trần Thị A** ly hôn anh **Vi Như H**.

2. Về con chung: Giao cho anh Vi Như H nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vi Hà Ph- sinh ngày 13/9/2011. Ch nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị A cấp dưỡng cho con chung Vi Hà Ph số tiền là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Trong thời gian anh Vi Như H không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Vi Hà Ph cho ông Vi Văn Ch chăm sóc, nuôi dưỡng.

Không ai được cản trở chị Trần Thị A thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền như đã tuyên nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất được tính theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Chị Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí do ông Nguyễn Ngọc Tân đã nộp thay theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002372 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

Chị Trần Thị A phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về cấp dưỡng cho con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị A và anh Vi Như H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ông Vi Văn Ch được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã L, thành phố C, Hải Dương (để ghi sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân